

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2026/DS-PT
Ngày 20 - 3 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Bà Tiêu Hồng Phượng

Ông Đặng Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Công Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 739/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **Ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau**.

- **Bị đơn:** Bà **Trần Thị Á**, sinh năm 1950 và ông **Trương Văn Ú**, sinh năm 1941. Cùng địa chỉ: **Ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau**.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Trần Thị Á**:* Bà **Trần Thị Hằng N1** – Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C**.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Trương Văn Ú**:* Bà Ông **Dương Chí N2** – Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C**.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1979

2. Bà **Trương Ngọc T1**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau.

(Tại phiên toà: bà A, bà T1, bà N1, ông N2 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà có phần đất tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận ngày 18/9/2002, tại thửa 0683, tờ bản đồ số 11, diện tích 7.291m², phần đất này bà đã trực tiếp sử dụng trên 30 năm, không ai tranh chấp, nhưng thời gian gần đây bà phát hiện vợ chồng bà Trần Thị A sử dụng đất lấn qua ranh của bà. Khi bà yêu cầu địa chính xã đo đạc lại đất để cấp lại sổ đỏ thì bà A không cho đo nên bà yêu cầu xã giải quyết không thành và chuyển đến Tòa án. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm. Qua kết quả đo đạc đất tranh chấp có diện tích 305,3m², bao gồm 03 phần: diện tích 219,5m² thuộc thửa 683, tờ bản đồ số 11; diện tích 4,48m²; 81m² nằm tại các thửa khác nhau. Nay bà không yêu cầu các phần diện tích 4,48m²; 81m², đề nghị Tòa án cho bà rút lại, khi nào cần sử dụng thì bà sẽ kiện vụ án khác. Bà N yêu cầu bà A, ông U phải trả cho bà diện tích đất 219,5m² thuộc thửa 683, tờ bản đồ số 11, yêu cầu ông T, bà T1 tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất tranh chấp để trả đất lại cho bà N.

Bị đơn bà Trần Thị A, ông Trương Văn U thống nhất trình bày:

Bà cho rằng phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là đất biên dưới mé sông, không có ai quản lý nên bà đến đây bồi đắp cát nhà ở cách nay khoảng hơn 50 năm, sau đó có chồng và ở cho đến nay. Vợ chồng và bồi đắp và cát nhà ở. Đối với phần đất của bà ở thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do là đất biên, cặp sông nên không được cấp giấy. Bà không có lần đất của bà N nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà N. Trước đây ông Lê Văn B có chuyển nhượng cho bà N diện tích 1.500m², có cặm trụ đá rõ ràng, bà không có lần ranh của bà N nên không đồng ý theo yêu cầu của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc T1 trình bày:

Bà là con gái của bà Trần Thị A, ông Trương Văn U. Sự việc tranh chấp đất giữa bà N, bà A đã diễn ra nhiều năm nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, hai bên chỉ cãi nhau qua lại rồi lại thôi. Theo đo đạc đất tranh chấp mà bà N và bà A xác định thì có dính một phần mái che nhà của bà T1; bà N yêu cầu bà T1 tháo dỡ mái che thì bà T1 không đồng ý do bà T1 cất nhà trên đất của bà A, không cất trên đất bà N. Khi bà T1 cất nhà thì giữa bà N và bà A cũng có tranh chấp, cãi nhau qua lại. Phần nhà của ông T thì có nền gạch của ông T lấn qua đất của bà N chứ mái che nhà bà T1 không lấn qua đất bà N. Do đó, không chấp nhận theo khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án các văn bản thể hiện ý kiến của mình.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với bà Trần Thị Á và ông Trương Văn Ú.

2. Buộc bà Trần Thị Á trả cho bà Huỳnh Thị N phần đất diện tích 219,5m² tại một phần thửa 683, tờ bản đồ số 11 do bà Huỳnh Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí, kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà N đang sử dụng cạnh dài 50,30m;
- Hướng Tây đất bà Á đang sử dụng cạnh dài 50,28m;
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại 3,78m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn B1 cạnh dài 4,95m

3. Giao cho bà Huỳnh Thị N các cây trồng trên đất tranh chấp 04 cây dừa, 03 cây cao kiềng, 05 cây mai vàng. Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các cây cối trên đất cho bà Trần Thị Á số tiền là 6.764.000 đồng.

4. Buộc ông Trương Văn T tháo dỡ, di dời nền gạch men ngang 4,5m x 1m = 4,5m² trên phần đất tranh chấp.

5. Buộc bà Trương Ngọc T1 tháo dỡ, di dời phần mái che trên phần đất (dài 01m x ngang 4m = diện tích 4m²).

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với phần diện tích đất 4,48m² và 81,0m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, bị đơn bà Trần Thị Á, ông Trương Văn Ú kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Á xác định không kháng cáo nội dung cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 81,0m² và diện tích 4,48m², các phần khác thì bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Á trình bày tranh luận: Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp nên đánh giá chứng cứ chưa khách quan, chưa toàn diện nên không chấp nhận trình bày của bị đơn và chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Á, ông Ú, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của bà Huỳnh Thị N. Đồng thời, chấp nhận miễn án phí cho bà Á, ông Ú do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà **Trần Thị Á** thống nhất trình bày tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung. Yêu cầu miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà và ông **Ú** do bà và ông **Ú** là người cao tuổi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Ú** trình bày tranh luận:* Thống nhất trình bày tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Á** do có cùng nội dung kháng cáo, bổ sung về xác nhận của trường **áp H**, cấp sơ thẩm chưa xác minh lại là chưa đầy đủ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông **Ú** và miễn án phí cho bà **Á**, ông **Ú** do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà **Trương Ngọc Tl** trình bày tranh luận: Bà thống nhất với kháng cáo của bà **Á**, ông **Ú**. Bà xác định không xây mái che nhà qua đất bà **N** nên không đồng ý với khởi kiện của bà **N**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bà **Á** và ông **Ú**, sửa một phần Bản dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau về án phí sơ thẩm, các phần khác của bản án sơ thẩm thì giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** nộp trong thời hạn luật định và được xét miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông **Trương Văn Ú** có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **Huỳnh Thị N**, ông **Trương Văn T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của bà **Huỳnh Thị N**, nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp:

Theo nguyên đơn xác định: nguồn gốc đất là của bà **Trần Kim E** (bà **E** là em ruột bà **Trần Thị Á**) chuyển nhượng cho bà **Huỳnh Thị N** vào ngày 21/01/2001, có

làm giấy tay chuyển nhượng, có xác nhận của những người giáp ranh ký tên, làm chứng. Bà **N** quản lý, sử dụng, thực hiện kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/9/2002. Bà **A** là người giáp ranh không có ý kiến, không có tranh chấp gì đến khi bà **N** đo đất để cấp lại bản đồ chính quy thì bà **A** ngăn cản. Năm 2019, hai bên xảy ra tranh chấp đã được chính quyền địa phương hòa giải, lập biên thống nhất ranh nhưng sau đó bà **A** tiếp tục lấn ranh nên bà **N** khởi kiện. Theo bị đơn bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** thống nhất xác định đất là của bà **A**, là đất biên bãi, giáp sông, bà đã ở trên đất từ năm 1972 đến nay, chưa kê khai, đăng ký nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Nhận thấy, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2025 (bút lục số 54 – 57); bản trích đo hiện trạng đất tranh ngày 07/5/2025 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ** (bút lục số 81) thể hiện diện tích đất tranh chấp theo khởi kiện của bà **Huỳnh Thị N** được xác định là 219,5m², thuộc một phần thửa 683, tờ bản đồ số 11 được cấp cho bà **Huỳnh Thị N**. Hiện trạng đất tranh chấp là bờ vuông, có một phần nền gạch men của ông **Trương Văn T** chiều ngang 4,5m, chiều dài 01m, diện tích 4,5m²; một phần mái che nhà của bà **Trương Ngọc T1** chiều dài 01m, chiều ngang 4m, diện tích 4,0m² và một số cây trồng của bà **A** gồm: 04 cây xoài, 04 cây dừa, 03 cây cao kiềng, 05 cây mai vàng. Bà **Huỳnh Thị N** xác định, một phần nền gạch men của ông **Trương Văn T** xây dựng là do có sự đồng ý của bà khi ông **T** được xét cho xây nhà tình thương, ông **T** không đủ diện tích xây nhà nên ông **T** đến gặp bà **N** cùng với trưởng ấp tên **Hồ Thanh H** vào năm 2017 để hỏi mượn đất sử dụng; còn một phần mái che của bà **Trương Ngọc T1** và một số cây trồng của bà **A** thì do bà **A** và bà **T1** tự ý xây và trồng nên hai bên phát sinh tranh chấp thời điểm trước năm 2019. Tại phiên toà, bà **A**, bà **T1** thừa nhận sự việc tranh chấp đất giữa bà **A** và bà **N** đã phát sinh thời gian dài, hai bên thường xuyên cãi nhau qua lại, đã được địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết dứt điểm. Đến năm 2019, hai bên có thống nhất bằng Biên bản thoả thuận ranh đất lập ngày 09/7/2019 nhưng sau đó lại tiếp tục tranh chấp cho đến nay. Chính bà **T1** thừa nhận ông **T** có lấn qua đất của bà **N** là phần gạch men, còn mái che nhà bà **T1** thì bà **T1** xây trên đất của bà **A** chứ không có lấn đất bà **N**.

[2.3] Xét chứng cứ của bà **N** cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 638, tờ bản đồ số 11 đứng tên bà **Huỳnh Thị N**; giấy sang đất của bà **Trần Kim E** cho bà **Huỳnh Thị N** ngày 21/01/2001; Văn bản thoả thuận ngày 09/7/2019 giữa bà **Huỳnh Thị N** và bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** về việc thoả thuận ranh đất; Tờ tường trình của bà **Huỳnh Thị N** có xác nhận của ông **Hồ Thanh H** ngày 07/3/2025. Xét thấy, diện tích đất tranh chấp được Chi nhánh **Văn phòng Đ** (nay là khu vực **Đ**) xác định thuộc một phần thửa số 683, tờ bản đồ số 11 là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Huỳnh Thị N** được Ủy ban nhân dân huyện **Đ** cấp ngày 18/9/2002. Sự xác định này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ bà **N** cung cấp. Như vậy, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N** đã chứng minh được nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà **N**. Trong khi, bị đơn bà **A**, **Ú** chỉ cung cấp thông tin về nguồn gốc đất của bà **N** là do nhận chuyển nhượng từ ông **Lê**

Văn B theo tờ xác nhận của ông Lê Văn B. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận có nhận chuyển nhượng đất từ ông B. Đồng thời, bà Á, ông Ú xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà N đối với bà Á, ông Ú là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Bà Á, ông Ú kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Các phần khác của bản án không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[4] Án phí:

Án phí sơ thẩm không giá ngạch: Giai đoạn sơ thẩm, bà Á, ông Ú không có yêu cầu xin miễn án phí sơ thẩm không giá ngạch nên cấp sơ thẩm buộc bà Á phải chịu án phí sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, giai đoạn phúc thẩm bà Á, có yêu cầu xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Xét yêu cầu miễn án phí của bà N, ông Ú là phát sinh mới trong giai đoạn phúc thẩm và yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận nên sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí không giá ngạch.

Án phí phúc thẩm: Ông Ú, bà Á được miễn theo quy định.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Á, ông Trương Văn Ú và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ú, bà Á; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Á, ông Trương Văn Ú. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 236 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với bà Trần Thị Á và ông Trương Văn Ú.

2. Buộc bà Trần Thị Á, ông Trương Văn Ú trả cho bà Huỳnh Thị N phần đất diện tích 219,5m² tại một phần thửa 683, tờ bản đồ số 11 do bà Huỳnh Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí, kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà **N** đang sử dụng cạnh dài 50,30m;
- Hướng Tây đất bà **Á** đang sử dụng cạnh dài 50,28m;
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại 3,78m;
- Hướng Bắc giáp đất ông **Nguyễn Văn B1** cạnh dài 4,95m.

3. Giao cho bà **Huỳnh Thị N** được quyền sở hữu các cây trồng trên đất tranh chấp gồm: 04 cây dừa, 03 cây cao kiềng, 05 cây mai vàng. Buộc bà **Huỳnh Thị N** có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các cây trồng trên đất cho bà **Trần Thị Á** số tiền là 6.764.000 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do **ngân hàng N3** quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

4. Buộc ông **Trương Văn T** tháo dỡ, di dời nền gạch men chiều ngang 4,5m, chiều dài 1m, diện tích 4,5m² trên phần đất tranh chấp.

5. Buộc bà **Trương Ngọc T1** tháo dỡ, di dời phần mái che chiều dài 01m, chiều ngang 4m, diện tích 4,0m².

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N** đối với diện tích đất 4,48m² và diện tích 81,0m².

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thanh lý hợp đồng đo đạc đất tranh chấp số tiền 6.300.000 đồng, bà **Huỳnh Thị N** đã dự nộp xong. Buộc bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà **Huỳnh Thị N** số tiền 6.300.000 đồng nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau.

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch: Bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** được miễn theo quy định.

8.2. Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà **Huỳnh Thị N** phải chịu 338.200 đồng. Bà **Huỳnh Thị N** đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001086 ngày 17/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) được chuyển thu án phí, bà **N** còn phải nộp thêm số tiền 38.200 đồng.

8.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Trần Thị Á**, ông **Trương Văn Ú** được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Cẩm Thúy